# Tiết 1,2,3

# CHỦ ĐỀ 1: NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ

**1. Nghề nghiệp**

***1.1. Khái niệm nghề nghiệp***

- Nghề nghiệp là tập hợp các công việc cụ thể, giống nhau về các nhiệm vụ hoặc có mức độ tương đồng cao về nhiệm vụ chính.

***1.2 Tầm quan trọng của nghề nghiệp***

- Các nghề nghiệp có tầm quan trọng rất lớn đối với con người và xã hội:

+ Đối với con người: giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình; giúp người lao động áp dụng chuyên môn, bồi dưỡng nhân cách, trau dồi kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm.

+ Đối với xã hội: giúp tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội.

- Một số nghề phổ biến trong xã hội: kĩ sư xây dựng, kĩ thuật viên điện dân dụng chung,… Các nghề này có vai trò rất quan trọng đối với con người, xã hội:

+ Đối với con người: giúp người lao động tìm được việc làm, có nguồn thu nhập để nuôi sống bản thân, gia đình và sống có ích cho xã hội,…

+ Đối với xã hội: giúp tạo ra các giá trị cho xã hội qua việc xây dựng các công trình, sửa chữa điện,…

***1.3. Ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp***

- Việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng đối với cá nhân người lao động: được làm việc phù hợp với chuyên môn, sở thích, đam mê, từ đó phát huy khả năng làm việc, tăng hiệu suất lao động và đạt được thành công trong tương lai.

**2. Một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**

***\* Đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghiệp***

*- Sản phẩm lao động:*từ những sản phẩm đơn giản đếnsản phẩm công nghệ cao như: vật liệu, dụng cụ, máy móc, thiết bị phục vụ lao động, sản xuất, điện thoại, máy tính, robot, công trình xây dựng, kiến trúc, lương thực, thực phẩm,…

*- Đối tượng lao động:* các vật liệu, dụng cụ, thiết bị, giống, cây trồng, phân bón,…; ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ để cải thiện quá trình sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất.

*- Môi trường lao động:*tiếp xúc với các máy móc, thiết bị tạo ra tiếng ồn, khói bụi; làm việc trong phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất, ngoài công trường; làm việc trên cao, những nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại,…

***\* Yêu cầu chung đối với người lao động***

*a. Năng lực*

- Có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm; có khả năng tiếp cận và vận dụng công nghệ mới, hiện đại.

- Có năng lực phân tích, sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Có năng lực tự học, sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu của công việc.

- Có sức khỏe tốt.

*b. Phẩm chất*

- Kiên trì, cẩn thận, ngăn nắp, tỉ mỉ; tin cậy,

trách nhiệm, kỉ luật; luôn tuân thủ quy

định, quy trình.

- Cần cù, khéo léo; có ý thức phấn đấu rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp.

# Tiết 4,5

# CHỦ ĐỀ 2: GIÁO DỤC KĨ THUẬT, CÔNG NGHỆ TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

**1. Cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam**

- Hệ thống giáo dục quốc dân: hệ thống giáo dục mở, liên thông gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

- Cấp học, trình độ đào tạo:

+ Giáo dục mầm non: giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo.

+ Giáo dục phổ thông: giáo dục tiểu học (lớp 1-5); giáo dục trung học cơ sở (lớp 6-9); giáo dục trung học phổ thông (lớp 10-12).

+ Giáo dục đại học: đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

+ Giáo dục nghề nghiệp: đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp.

+ Giáo dục thường xuyên: trung học cơ sở, trung học phổ thông, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

**2. Phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục**

***2.1. Thời điểm có sự phân luồng***

- Phân luồng trong giáo dục:tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục.

- Thời điểm có sự phân luồng:khi học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và tốt nghiệp trung học phổ thông.

*+Thời điểm học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở:* học sinh có thể học tại trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

*+Thời điểm học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông:* học sinh có thể học tại cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

***2.2.Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp***

- Tốt nghiệp trung học cơ sở:lựa chọn nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Một số ngành, nghề:

|  |  |
| --- | --- |
| Thợ xây nhà |  |
| Thợ hàn |  |
| Thợ sửa chữa điện dân dụng |  |

- Tốt nghiệp trung học phổ thông: chọn các ngành đào tạo trình độ cao sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học,….

- Một số ngành, nghề:

|  |  |
| --- | --- |
| Kĩ sư xây dựng |  |
| Kĩ sư cơ khí |  |
| Kĩ sư điện |  |

**3. Những hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau trung học cơ sở**

- Một số hướng đi liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ:

+Học trung học phổ thông.

+ Học các ngành nghề trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Tham gia thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ (chọn nghề, công việc thuộc nhóm nghề nghiệp lao động đơn giản, phù hợp lứa tuổi, đúng pháp luật).

# Tiết 6,7,8,9

# CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG KĨ THUẬT CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM

**1. Thị trường lao động**

***1.1. Khái niệm thị trường lao động***

*- Thị trường lao động:* là thị trường trao đổi hàng hóa “sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động tuyển chọn, thỏa thuận về tiền lương và các điều kiện làm việc khác.

*- Người lao động:* nguồn cung cấp sức lao động cho người sử dụng lao động, làm việc theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

*- Người sử dụng lao động:* doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân,... cần thuê mướn, sử dụng người lao động (có nhu cầu sức lao động).

***1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động***

*- Sự phát triển của khoa học và công nghệ:*

+ Tạo ra những máy móc, thiết bị công nghệ cao thay thế con người ở nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất.

🡪 Giảm bớt số người lao động tham gia sản xuất và tác động trực tiếp đến nhu cầu về số lượng và chất lượng lao động.

+ Tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.

🡪 Tăng nhu cầu lao động chất lượng cao, có trình độ kĩ thuật, kĩ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ.

*- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế:*do quá trình công nghiệp hóa đất nước, xu hướng phát triển của hội nhập quốc tế và tác động của nền công nghiệp 4.0, kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động, dẫn đến nhu cầu lao động sẽ thay đổi cả về số lượng và chất lượng theo từng lĩnh vực sản xuất.

*- Nhu cầu lao động:* gia tăng vốn đầu tư sản xuất của người sử dụng lao động làm thay đổi quy mô và công nghệ sản xuất.

🡪 Thay đổi nhu cầu lao động về số lượng và chất lượng.

*- Nguồn cung lao động:*

+ Quy mô, cơ cấu, chất lượng của lực lượng lao động ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cung cấp lao động cho thị trường lao động.

+ Quy mô và tốc độ gia tăng dân số ở độ tuổi lao động: công tác đào tạo, bồi dưỡng ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng nguồn cung lao động cho thị trường lao động.

***1.3. Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ***

- Cung cấp thông tin về thị trường lao động thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ: xu hướng việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động, các cơ sở đào tạo nghề nghiệp,...

- Giúp người học định hướng lựa chọn ngành nghề, cấp học và trình độ đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện của cá nhân.

- Giúp các cơ sở đào tạo (trường đại học, cao đẳng, trung cấp) định hướng và phát triển chương trình đào tạo cho các ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp.

- Giúp người lao động có cơ hội được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo.

- Giúp người sử dụng lao động tuyển dụng được người lao động phù hợp và có chất lượng.

**2. Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay**

- Xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm luôn chiếm tỉ lệ rất cao.

- Xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến số người và tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động vẫn ở mức cao.

- Chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo. Tỉ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp, kĩ năng, tay nghề và tác phong lao động công nghiệp còn yếu.

**3. Tìm kiếm những thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ**

***3.1. Nội dung tìm kiếm***

- Tình trạng xu hướng việc làm của nghề nghiệp.

- Nhu cầu tuyển dụng nghề nghiệp.

- Các cơ sở đào tạo nào đang đào tạo nghề nghiệp.

- Tiền lương và tiền công.

***3.2. Yêu cầu***

- Thực hiện đúng quy trình tìm kiếm thông tin.

- Tìm kiếm được các thông tin thị trường lao động.

- Các thông tin chính xác, tin cậy.

***3.3. Quy trình tìm kiếm thông tin***

- Bước 1: Xác định mục tiêu tìm kiếm.

- Bước 2: Xác định nguồn thông tin.

- Bước 3: Xác định công cụ tìm kiếm.

- Bước 4: Tiến hành tìm kiếm.

**Tiết 10,11,12,13**

**CHỦ ĐỀ 4: LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KĨ THUẬT CÔNG NGHỆ**

**1. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp**

**1.1 Lí thuyết cây nghề nghiệp**

- Mô tả mối liên hệ giữa đặc điểm cá nhân với nghề nghiệp của mỗi người.

- Là lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp, giúp học sinh có cơ sở trong việc quyết định lựa chọn ngành nghề, bậc học và trình độ đào tạo phù hợp

- Cây nghề nghiệp có 2 phần

+ Phần rễ : minh họa nền tảng lựa chọn nghề nghiệp : sở thích , khả năng, cá tính, giá trị nghề nghiệp đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp

+ Phần quả: minh họa các yếu tố phát triển

**1.2 Lí thuyết mật mã Holland**

- Là một công cụ hỗ trợ cá nhân trong việc lựa chọn nghề nghiệp dựa trên kết quả trắc nghiệm đặc điểm tính cách nghề nghiệp của cá nhân

- Gồm 6 kiểu người : kĩ thuật, nghiên cưú, nghệ thuật, xã hội, quản lí, nghiệp vụ

- Cá nhận lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với tính cách đem lại hiệu quả cao trong công việc

**2. Qui trình lựa chọn nghề nghiệp**

- Bước 1: Đánh giá bản thân

- Bước 2: Tìm hiểu thị trường lao động

- Bước 3: Quyết định lựa chọn nghề nghiệp

**3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật công nghệ**

**3.1 Yếu tố chủ quan**

- Năng lực

- Sở thích

- Cá tính

**3.2 Yếu tố khách quan**

- Gia đình

- Bạn bè

- Nhà trường

- Xã hội

**Tiết 14,15**

**DỰ ÁN NGHỀ NGHIỆP TƯƠNG LAI CỦA EM**

**1. Mục tiêu**

- Đánh giá mức độ phù hợp về năng lực, sở thích , cá tính của bản thân , bối cảnh gia đình

**2. Nhiệm vụ**

- Tìm hiểu ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật công nghệ

- Tự đánh mức độ phù hợp về năng lực, sở thích , cá tính của bản thân , bối cảnh gia đình

**3. Tiêu chí đánh giá: theo mẫu 1 và 2 SGK**

- Tên ngành nghề

- Đặc điểm

- Yêu cầu

**4. Các bước thực hiện**

- Bước 1 : Đánh giá bản thân

- Bước 2: Tìm hiểu thị trường lao động

- Bước 3: Quyết định nghề nghiệp

**5. Đánh giá dự án** : đạt và chưa đạt